| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MAI SƠN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lò Thị Chơ

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn D Việt

Ông Cầm Văn Tổ

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 ngày 6 ngày 2019 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện T, TP Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn D M, sinh năm 1982. Địa chỉ: tiểu khu N, xã N2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày như sau*:

Chị và anh Nguyễn D M kết hôn với nhau từ năm 2005 do cả hai cùng tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 31/10/2005 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống

hòa thuận, hạnh phúc được thời gian khoảng 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh M tH xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm vun vén cuộc sống gia đình. Vì vậy, anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hà Tây sinh sống và sống ly thân từ năm đầu năm 2007 đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không còn , cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 20/7/2006. Từ khi còn nhỏ, cháu D đã sống cùng chị H đến nay. Vì vậy, khi ly hôn chị H đề nghị tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản gì chung.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh Nguyễn D M, tuy nhiên anh M vắng mặt tại các buổi làm việc. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn D M trình bày: Anh và chị Lê Thị H kết hôn được một thời gian thì bỏ đi. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh nhưng do hiện tại anh đang đi làm xa không về được nên làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vắng mặt, căn cứ vào đơn đề nghị của nguyên đơn chị Lê Thị H, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể: xác minh tại chính quyền địa phương (Tiểu khu N, xã N2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) và đại diện gia đình anh M là bà Nguyễn Thị Lan (mẹ đẻ anh M) về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung. Qua xác minh được biết: Chị H và anh M kết hôn với nhau từ năm 2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh M tại Tiểu khu N, xã Lnhưng chị H chưa nhập khẩu vào hộ khẩu chung của gia đình. Chị H chung sống cùng gia đình anh M được khoảng thời gian ngắn thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hà Tây (nay là Hà Nội) sinh sống và sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Trong thời gian sinh sống, hai vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã nhưng không rõ chính xác nguyên nhân mâu thuẫn. Kể từ ngày sống ly thân đến nay, thỉnh thoảng gia đình anh M có xuống thăm cháu D nhưng chị H gây khó khăn không cho gặp.

Về con chung, chị H và anh M có 01 con chung sống cùng với chị H tại Hà Tây.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, tuy nhiên anh M không có mặt tại tòa án đề giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H và anh Nguyễn D M. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 20/7/2006 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí đân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

***[1] Về tố tụng:*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn D M trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Qua xác minh xác định anh M hiện đang chung sống cùng gia

đình tại Tiểu khu N, xã N2, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu cho anh M, tuy nhiên anh M cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định chung.

***[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:***

*[2.1] Về hôn nhân:*

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn D M tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2005, anh chị đã được UBND xã N2, Mai Sơn, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2005. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh M không quan tâm vun vén cuộc sống gia đình nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị H và anh M đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh M, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn với anh M. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M xác định chị H bỏ đi sau khi kết hôn được một thời gian ngắn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện ban quản lý Tiểu khu nơi chị H và anh Mạn sinh sống và đại diện gia đình anh M đã xác định: Chị H và anh M chung sống với nhau một thời gian ngắn thì chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra xung đột, cãi vã nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn D M.

*[2.2] Về con chung:* Quá trình hôn nhân chị H và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 20/7/2006. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, giáo dục cháu D đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung chùng chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và gia đình

anh M đều xác nhận, từ nhỏ cháu D đã sống với chị H. Mặt khác, cháu D đề nghị được tiếp tục sống cùng chị H. Xét thấy, yêu cầu của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

*[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác nhận không có tài sản chung và nợ chung. Qua xác minh xác định điều này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

*[2.4] Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn D M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 20/7/2006 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn D M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh M được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002193 ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lò Thị Chơ**